Chi tiết mã HS 7229.20.00

Mã HS	7229.20.00
Mô tả hàng hóa	Dây thép hợp kim khác / - Bằng thép mangan - silic
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 11:23:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72292000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11529
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11529
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11529
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MM)	0% (trừ MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10857
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10808
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10808
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10808
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10808
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10808
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10808
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E10860
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	AJ!F10860

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	AJ!G10860
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	AJ!H10860
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	AJ!I10860
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	AJ!J10860
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10861
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10861
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10861
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10861
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10861
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10861
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10862
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10814
AIFTA	30/12/2022	2022	3	AI!F10820
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	3	AI!G10820
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	3	AI!H10820
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	3	AI!I10820
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	3	AI!J10820
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	3	AI!K10820
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10847
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10847
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10847
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10847
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10847
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10847
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10898
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10898

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10898
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10898
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10898
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10898
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10883
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10883
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10883
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10883
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10883
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10883
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10883
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10883
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10883
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10883
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10883
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10883
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10900
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10900
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10900
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10900
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10900
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10900
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10899
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10899
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10899
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10899

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10899
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10899
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10846
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10846
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10846
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10846
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10846
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10846
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10846
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10883
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10883
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10883
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10883
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10883
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10883
RCEP B	2022	2022	0	B!D10883
RCEP B	2023	2023	0	B!E10883
RCEP B	2024	2024	0	B!F10883
RCEP B	2025	2025	0	B!G10883
RCEP B	2026	2026	0	B!H10883
RCEP B	2027	2027	0	B!I10883
RCEP C	2022	2022	0	C!D10883
RCEP C	2023	2023	0	C!E10883
RCEP C	2024	2024	0	C!F10883
RCEP C	2025	2025	0	C!G10883
RCEP C	2026	2026	0	C!H10883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10883
RCEP D	2022	2022	0	D!D10882
RCEP D	2023	2023	0	D!E10882
RCEP D	2024	2024	0	D!F10882
RCEP D	2025	2025	0	D!G10882
RCEP D	2026	2026	0	D!H10882
RCEP D	2027	2027	0	D!I10882
RCEP E	2022	2022	0	E!D10886
RCEP E	2023	2023	0	E!E10886
RCEP E	2024	2024	0	E!F10886
RCEP E	2025	2025	0	E!G10886
RCEP E	2026	2026	0	E!H10886
RCEP E	2027	2027	0	E!I10886
RCEP F	2022	2022	0	F!D10883
RCEP F	2023	2023	0	F!E10883
RCEP F	2024	2024	0	F!F10883
RCEP F	2025	2025	0	F!G10883
RCEP F	2026	2026	0	F!H10883
RCEP F	2027	2027	0	F!I10883
VIFTA	2024	2024	0	VI!F10073
VIFTA	2025	2025	0	VI!G10073
VIFTA	2026	2026	0	VI!H10073
VIFTA	2027	2027	0	VI!I10073

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 3%, AJCEP 3%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Các sản phẩm thép cán nguội khác > Dây thép. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7229.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7229.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11529), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.